

**Law Enforcement
and Confidential
Information (LECIF)
Cơ Quan Thực Thi
Pháp Luật và Thông
Tin
Mật (LECIF)**

Clerk: Do not file in a public access file. In criminal cases, do not file. Give to law enforcement.

Lục Sự: Không nộp vào trong hồ sơ truy cập công cộng. Trong các vụ án hình sự, không nộp đơn. Cung cấp cho cơ quan thực thi pháp luật:

_____ Court of Washington
Tòa Án Washington

County: _____

Quận:

Case No.: _____

Vụ Án Số:

Law Enforcement: Do not serve or show a completed LECIF to the other party.
Cơ Quan Thực Thi Pháp Luật: Không tổng đạt hoặc đưa LECIF đã hoàn tất cho đương sự còn lại.

Instructions – Protected Person must complete this form. Fill out **all** sections as much as you can. If you do not know, write “unknown.” Complete Attachment A if the Restrained Person is under age 18. Type or print clearly! If law enforcement cannot read this form or identify the person, they cannot serve or enforce your order!

Hướng Dẫn – Người Được Bảo Vệ phải hoàn tất mẫu đơn này. Điền vào **tất cả các** mục nhiều nhất có thể. Nếu quý vị không biết, hãy ghi “không biết”. Hoàn tất Phụ Lục Đính Kèm A nếu Người Bị Ngăn Cấm dưới 18 tuổi.

Hãy đánh máy hoặc in rõ ràng! Nếu cơ quan thực thi pháp luật không thể đọc được mẫu đơn này hoặc xác định người này, họ không thể tổng đạt hoặc cưỡng bách lệnh của quý vị!

**1. Restrained Person’s Info
Thông Tin Của Người Bị Ngăn Cấm**

Name: First Tên: Tên	Middle Tên lót	Last Họ	Date of Birth (if unknown give age range) Ngày Sinh (nếu không biết, hãy cung cấp phạm vi tuổi)
---------------------------------------	-------------------	------------	--

Nickname/Alias/AKA ("Also known as") <i>Biệt danh/Bí danh/AKA ("Còn được gọi là")</i>		Relationship to Protected Person <i>Mối quan hệ với Người Được Bảo Vệ</i>	
Sex <i>Giới Tính</i>	Race <i>Chủng Tộc</i>	Height <i>Chiều Cao</i>	Weight <i>Cân Nặng</i>
Eye Color <i>Màu Mắt</i>	Hair Color <i>Màu Tóc</i>	Skin Tone <i>Màu Da</i>	Build <i>Tầm Vóc</i>
Phone/s with Area Code (voice): <i>(Các) Điện Thoại có Mã Vùng (thoại):</i>		Need Interpreter? <i>Cần Phiên Dịch Viên?</i>	
		<input type="checkbox"/> No <input type="checkbox"/> Yes Language: <i>Không [-] Có Ngôn Ngữ:</i>	
2. Where can the Restrained Person be served? List all known contact information. <i>Người Bị Ngăn Cấm có thể được tổng đạt ở đâu? Liệt kê tất cả thông tin liên hệ được biết.</i>			
Last Known Address. <i>Địa Chỉ Được Biết Đến Sau Cùng.</i>			
Street: <i>Đường:</i>			
City: <i>Thành Phố:</i>	State: <i>Tiểu Bang:</i>	Zip: <i>Mã Vùng:</i>	
Cell number (text): <i>Số di động (nhắn tin):</i>	Email: <i>Email:</i>		
Social Media Account/s & User Name/s: <i>(Các) Tài Khoản Mạng Xã Hội & (Các) Tên Người Dùng:</i>			
Other: <i>Khác:</i>			
Employer <i>Sở Làm</i>	Employer's Address <i>Địa Chỉ Sở Làm</i>		Employer's Phone <i>Điện Thoại Sở Làm</i>
Work Hours <i>Giờ Làm Việc</i>	Driver's License or ID number <i>Số Giấy Phép Lái Xe hoặc số ID</i>		State <i>Tiểu Bang</i>
Vehicle Make and Model <i>Hãng Sản Xuất và Kiểu Xe</i>	Vehicle License Number <i>Số Giấy Phép Xe</i>	Vehicle Color <i>Màu Xe</i>	Vehicle Year <i>Năm Sản Xuất Xe</i>

3. Disability, hazard, and weapon info about the Restrained Person

Law enforcement needs this info to serve the order safely

Thông tin về tình trạng khuyết tật, nguy hiểm và vũ khí về Người Bị Ngăn Cấm
mà Cơ quan thực thi pháp luật cần thông tin này để tổng đạt lệnh một cách an toàn

Does the Restrained Person have a disability, brain injury, or impairment requiring special assistance when law enforcement serves the order? No Yes. If yes, describe (add pages, if needed): _____

Người Bị Ngăn Cấm có bị khuyết tật, chấn thương sọ não hoặc suy yếu cần được hỗ trợ đặc biệt khi cơ quan thực thi pháp luật tổng đạt lệnh không? Không Có. Nếu có, hãy mô tả (thêm giấy, nếu cần): _____

Hazard Information Restrained Person's History includes:

Thông Tin Nguy Hiểm Tiền Sử Của Người Bị Ngăn Cấm bao gồm:

Involuntary/Voluntary Commitment Suicide Attempt or Threats (How recent?) _____
Cam Kết Không Tự Nguyện/Tự Nguyện [-] Mưu Toan Tự Tử hoặc Đe Dọa (Gần đây như thế nào?)

Threats to "suicide by cop" Assault Assault with Weapons Alcohol/Drug Abuse
Đe Dọa "tự tử do cảnh sát" [-] Tấn Công [-] Tấn Công bằng Vũ Khí [-] Lạm Dụng Ma Túy/Rượu Bia

Other: _____
Khác:

Concealed Pistol License: Yes No

Giấy Phép Sử Dụng Súng Lọc Được Ẩn Kín: Có Không

Weapons: Handguns Rifles Knives Explosives Unknown
Vũ Khí: Súng ngắn Súng trường Dao Chất nổ Không biết

Other (include unassembled firearms and specify): _____
Khác (bao gồm súng chưa lắp ráp và nêu rõ):

Location of Weapons: Vehicle On Person Residence Describe in detail:

Vị Trí Để Vũ Khí: Xe Cộ Trong Người Nơi Cư Trú *Mô tả chi tiết:*

Current Status

Tình Trạng Hiện Tại

Is the restrained person a current or former cohabitant as an intimate partner? Yes No
Người bị ngăn cấm có phải là người chung sống hiện tại hoặc trước đây là một bạn tình thân mật không? Có Không

Are you and the restrained person living together now? Yes No
Bây giờ, quý vị và người bị ngăn cấm có đang sống chung với nhau không? Có Không

Does the restrained person know they may be moved out of the home? Yes No N/A
Người bị ngăn cấm có biết họ có thể bị đuổi ra khỏi nhà không? Có Không N/A

Does the restrained person know you are trying to get this order? Yes No
Người bị ngăn cấm có biết quý vị đang cố gắng xin lệnh này không? Có Không

Is the restrained person likely to react violently when served? Yes No
Người bị ngăn cấm có khả năng phản ứng dữ dội khi được tổng đạt không? Có Không

4. Protected Person's Info

(If only minors are protected, list them in 5. Provide contact information in this section for the person filing.)

Thông Tin Của Người Được Bảo Vệ Info

(Nếu chỉ bảo vệ trẻ vị thành niên, hãy liệt kê các trẻ ở 5. Cung cấp thông tin liên hệ trong mục này cho người đang nộp đơn.)

Name: First Tên: Tên	Middle Tên lót	Last Họ	Date of Birth Ngày Sinh	
Sex Giới Tính	Race Chủng Tộc		Height Chiều Cao	Weight Cân Nặng
Driver's license or ID number Số Giấy Phép Lái Xe hoặc số ID	Eye Color Màu Mắt	Hair Color Màu Tóc	Skin Tone Màu Da	Build Tầm Vóc

If your information **is not confidential**, you must enter your address and phone number/s below.
 Nếu thông tin của quý vị **không phải thông tin mật**, quý vị phải nhập địa chỉ và (các) số điện thoại của mình dưới đây.

Current Address. Street: Địa Chỉ Hiện Tại. Đường:	Phone(s) w/Area Code (Các) Điện Thoại có Mã Vùng
City: Thành Phố:	State: Tiểu Bang:
	Zip: Mã Vùng:
Email address: Địa chỉ Email:	Need interpreter? [] No [] Yes Cần phiên dịch viên? [-] Không [-] Có If yes, language: Nếu có, ngôn ngữ:

If your info **is confidential**, you must give a name, address, and phone of someone willing to be your "contact."
 If you filed **for someone else**, list your information as the contact.
 Nếu thông tin quý vị là **thông tin mật**, quý vị phải cung cấp tên, địa chỉ và điện thoại của người nào đó sẵn lòng là "người liên hệ" của quý vị.
 Nếu quý vị đã nộp **cho người khác**, hãy liệt kê thông tin của quý vị làm người liên hệ.

Contact Name: Tên Người Liên Hệ:	Contact Address Địa Chỉ Người Liên Hệ	Contact Phone Điện Thoại Người Liên Hệ
Contact Email Address Địa Chỉ Email Người Liên Hệ	Date of Birth (if you are Petitioner) Ngày Sinh (nếu quý vị là Nguyên Đơn)	

How can law enforcement contact you and other protected household members **if firearms are returned** to the restrained person? (Email/s preferred. Update law enforcement with any changes.)
 Cơ quan thực thi pháp luật có thể liên hệ với quý vị và các thành viên khác trong hộ gia đình được bảo vệ như thế nào **nếu súng được trả lại** cho người bị ngăn cấm? ((Các) Email thường dùng. Cập nhật với cơ quan thực thi pháp luật về bất kỳ thay đổi nào.)

[] email above [] phone number above [] address above [] other: _____
 email trên đây [-] số điện thoại trên đây [-] địa chỉ trên đây [-] khác:

5. Minor's Info Thông Tin Của Trẻ Vị Thành Niên				
For relationship, use terms such as child, grandchild, stepchild, nephew, or none. Đối với mối quan hệ, hãy sử dụng các thuật ngữ như con, cháu, con riêng, cháu trai hoặc không là gì.				
1	Name: First Tên: Tên	Middle Tên lót	Last Họ	

	Birth Date <i>Ngày Sinh</i>	Sex <i>Giới Tính</i>	Race <i>Chủng Tộc</i>	Resides With <i>Cư Trú Với</i>
	Relationship to Protected Person: <i>Mối quan hệ với Người Được Bảo Vệ:</i>		Relationship to Restrained Person: <i>Mối quan hệ với Người Bị Ngăn Cấm:</i>	
2	Name: First <i>Tên: Tên</i>		Middle <i>Tên lót</i>	Last <i>Họ</i>
	Birth Date <i>Ngày Sinh</i>	Sex <i>Giới Tính</i>	Race <i>Chủng Tộc</i>	Resides With <i>Cư Trú Với</i>
	Relationship to Protected Person: <i>Mối quan hệ với Người Được Bảo Vệ:</i>		Relationship to Restrained Person: <i>Mối quan hệ với Người Bị Ngăn Cấm:</i>	
3	Name: First <i>Tên: Tên</i>		Middle <i>Tên lót</i>	Last <i>Họ</i>
	Birth Date <i>Ngày Sinh</i>	Sex <i>Giới Tính</i>	Race <i>Chủng Tộc</i>	Resides With <i>Cư Trú Với</i>
	Relationship to Protected Person: <i>Mối quan hệ với Người Được Bảo Vệ:</i>		Relationship to Restrained Person: <i>Mối quan hệ với Người Bị Ngăn Cấm:</i>	
4	Name: First <i>Tên: Tên</i>		Middle <i>Tên lót</i>	Last <i>Họ</i>
	Birth Date <i>Ngày Sinh</i>	Sex <i>Giới Tính</i>	Race <i>Chủng Tộc</i>	Resides With <i>Cư Trú Với</i>
	Relationship to Protected Person: <i>Mối quan hệ với Người Được Bảo Vệ:</i>		Relationship to Restrained Person: <i>Mối quan hệ với Người Bị Ngăn Cấm:</i>	
<input type="checkbox"/> More than 4 minors are protected. (Attach a page to list more children and their details.) Hơn 4 trẻ vị thành niên được bảo vệ. (Đính kèm một trang để liệt kê thêm trẻ em và thông tin chi tiết của các trẻ.)				
6. Protected Household Members or Adult Children Các Thành Viên Hộ Gia Đình hoặc Trẻ Trưởng Thành Được Bảo Vệ				
Name: <i>Tên:</i>		birth date: <i>ngày sinh:</i>		
Name: <i>Tên:</i>		birth date: <i>ngày sinh:</i>		
Name: <i>Tên:</i>		birth date: <i>ngày sinh:</i>		
Name: <i>Tên:</i>		birth date: <i>ngày sinh:</i>		

Privacy Notice: Only court staff, law enforcement, and some state agencies may see this form. The other party and their lawyer may not see this form unless a court order allows it. State agencies may disclose the information in this form according to their own rules.

Thông Báo Về Quyền Riêng Tư: Chỉ có nhân viên tòa án, cơ quan thực thi pháp luật và một số cơ quan tiểu bang có thể xem mẫu đơn này. Đương sự còn lại và luật sư của họ không thể xem mẫu đơn này trừ khi một lệnh tòa cho phép điều này. Một số cơ quan tiểu bang có thể tiết lộ thông tin trong mẫu đơn này theo luật lệ của riêng họ.

Changes: If any information changes, fill out another copy of this form and file it with the court clerk.

Các thay đổi: Nếu bất kỳ thông tin nào thay đổi, hãy điền vào một bản sao khác của mẫu này và nộp cho lục sự tòa án.

I declare under penalty of perjury under the laws of the State of Washington that: 1) the information on this form about me is true and correct; 2) the information about the other party is the legitimate, current, or last known contact information.

Tôi cam kết dưới mọi hình phạt khai man theo các luật lệ của Tiểu Bang Washington rằng: 1) thông tin trong mẫu đơn này về tôi là đúng sự thật và chính xác; 2) thông tin về đương sự còn lại là thông tin liên hệ hợp pháp, hiện tại hoặc được biết đến sau cùng.

I have attached _____ pages.

Tôi đã kèm theo [-] trang.

Signed at (City and State): _____

Date: _____

Đã ký tại (Thành Phố và Tiểu Bang): _____

Ngày: _____

Sign here
Ký ở đây

Print name here
Tên viết in ở đây

Attachment A: Restrained Person is a Minor

Phụ Lục Đính Kèm A: Người Bị Ngăn Cấm là một Trẻ Vị Thành Niên

Only complete this attachment if the Restrained Person is under age 18. If not, skip or remove this attachment.

Chỉ hoàn tất phụ lục đính kèm nếu Người Bị Ngăn Cấm dưới 18 tuổi. Nếu không, hãy bỏ qua hoặc loại bỏ phụ lục đính kèm.

1. Restrained Person's PARENT or GUARDIAN's Info Thông tin CHA/MẸ hoặc NGƯỜI GIÁM HỘ của Người Bị Ngăn Cấm			
Name: First Middle Last Tên: Tên Tên lót Họ		Date of Birth (if unknown give age range) Ngày Sinh (nếu không biết, hãy cung cấp phạm vi tuổi)	
Nickname/Alias/AKA ("Also known as") Biệt danh/Bí danh/AKA ("Còn được gọi là")		Relationship to Restrained Person Mối quan hệ với Người Bị Ngăn Cấm <input type="checkbox"/> Parent <input type="checkbox"/> Legal Guardian Cha/Mẹ <input type="checkbox"/> Người Giám Hộ Hợp Pháp	
Sex Giới Tính	Race Chủng Tộc	Height Chiều Cao	Weight Cân Nặng
Eye Color Màu Mắt	Hair Color Màu Tóc	Skin Tone Màu Da	Build Tâm Vóc
Phone/s with Area Code (voice): (Các Điện Thoại có Mã Vùng (thoại):		Need Interpreter? Cần Phiên Dịch Viên? <input type="checkbox"/> No <input type="checkbox"/> Yes Không <input type="checkbox"/> Có	
		Language: Ngôn Ngữ:	
2. Where can the Restrained Person's PARENT or GUARDIAN be served? List all known contact information. CHA/MẸ hoặc NGƯỜI GIÁM HỘ của Người Bị Ngăn Cấm có thể được tổng đạt ở đâu? Liệt kê tất cả thông tin liên hệ được biết.			
Last Known Address. Địa Chỉ Được Biết Đến Sau Cùng. Street: Đường:			
City: Thành Phố:		State: Tiểu Bang:	Zip: Mã Vùng:
Cell number (text): Số di động (nhắn tin):		Email: Email:	
Social Media Account/s & User Name/s: (Các Tài Khoản Mạng Xã Hội & (Các Tên Người Dùng:			
Other: Khác:			

Employer Sở Lâm	Employer's Address Địa Chỉ Sở Lâm	Employer's Phone Điện Thoại Sở Lâm
Work Hours Giờ Làm Việc	Driver's License or ID number Số Giấy Phép Lái Xe hoặc số ID	State Tiểu Bang
Vehicle Make and Model Hãng Sản Xuất và Kiểu Xe	Vehicle License Number Số Giấy Phép Xe	Vehicle Color Màu Xe
		Vehicle Year Năm Sản Xuất Xe

3. Disability, hazard, and weapon info about Restrained Person's PARENT or GUARDIAN

Law enforcement needs this info to serve the order safely

Thông tin về khuyết tật, nguy hiểm và vũ khí về CHA/MẸ hoặc NGƯỜI GIÁM HỘ của Người Bị Ngăn Cấm

Cơ quan thực thi pháp luật cần thông tin này để tổng đạt lệnh một cách an toàn

Does the PARENT or GUARDIAN have a disability, brain injury, or impairment requiring special assistance when law enforcement serves the order? No Yes. If yes, describe (add pages, if needed):

CHA/MẸ hoặc NGƯỜI GIÁM HỘ có bị khuyết tật, chấn thương sọ não hoặc suy yếu cần được hỗ trợ đặc biệt khi cơ quan thực thi pháp luật tổng đạt lệnh không? [-] Không [-] Có. Nếu có, hãy mô tả (thêm giấy, nếu cần):

Hazard Information PARENT or GUARDIAN's history includes:

Thông Tin Nguy Hiểm Tiền sử của CHA/MẸ hoặc NGƯỜI GIÁM HỘ bao gồm:

- Involuntary/Voluntary Commitment Suicide Attempt or Threats (How recent?) _____
Cam Kết Không Tự Nguyện/Tự Nguyện [-] Mưu Toan Tự Tử hoặc Đe Dọa (Gần đây như thế nào?)
- Threats to "suicide by cop" Assault Assault with Weapons Alcohol/Drug Abuse
Đe Dọa "tự tử do cảnh sát" [-] Tấn Công [-] Tấn Công bằng Vũ Khí [-] Lạm Dụng Ma Túy/Rượu Bia
- Other: _____
Khác:

Concealed Pistol License: Yes No

Giấy Phép Sử Dụng Súng Lục Được Giấu Kín: [-] Có [-] Không

Weapons: Handguns Rifles Knives Explosives Unknown
Vũ Khí: [-] Súng ngắn [-] Súng trường [-] Dao [-] Chất nổ [-] Không biết

Other (include unassembled firearms and specify): _____
Khác (bao gồm súng chưa lắp ráp và nêu rõ):

Location of Weapons: Vehicle On Person Residence Describe in detail:
Vị Trí Để Vũ Khí: [-] Xe Cộ [-] Trong Người [-] Nơi Cư Trú Mô tả chi tiết:

Current Status

Tình Trạng Hiện Tại

Is the PARENT or GUARDIAN living with the restrained person now? [] **Yes** [] **No**

Bây giờ, CHA/MẸ hoặc NGƯỜI GIÁM HỘ có đang sống chung với người bị ngăn cấm không? [-] Có [-] Không

Are you and the PARENT or GUARDIAN living together now? [] **Yes** [] **No**

Bây giờ, quý vị và CHA/MẸ hoặc NGƯỜI GIÁM HỘ có đang sống chung với nhau không? [-] Có [-] Không

Does the PARENT or GUARDIAN know you are trying to get this order? [] **Yes** [] **No**

CHA/MẸ hoặc NGƯỜI GIÁM HỘ có biết quý vị đang cố gắng xin lệnh này không? [-] Có [-] Không

Is the PARENT or GUARDIAN likely to react violently when served? [] **Yes** [] **No**

CHA/MẸ hoặc NGƯỜI GIÁM HỘ có khả năng phản ứng dữ dội khi được tổng đạt không? [-] Có [-] Không